

Số: 2796/BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định tổ
chức các cơ quan chuyên môn thuộc
UBND cấp tỉnh, cấp xã

Kính gửi:

- Ban Tổ chức Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Thực hiện chủ trương tại Kết luận số 126-KL/TW¹, Kết luận số 127-KL/TW², Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương (CQDP) 02 cấp; ngày 07/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-CP ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 02 cấp; đồng thời, Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 02 cấp đã ban hành Văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQDP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp, Bộ Nội vụ đã chủ động xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu (thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương).

Để có cơ sở hoàn thiện dự thảo Nghị định nêu trên, đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định (kèm theo) và gửi về Bộ Nội vụ (kèm theo file word) **trước ngày 28/5/2025** để tổng hợp, hoàn thiện trình Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: TCBC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng

¹ Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

² Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, trên cơ sở hướng dẫn tại Văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu (thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương) như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra chủ trương: “*Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tổ chức sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan*”.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống

chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: “*Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả*”.

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sáp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sáp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương (CQĐP) 02 cấp.

- Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sáp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp.

2. Cơ sở pháp lý và thực tiễn

a) Thực hiện chủ trương của Đảng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (không tổ chức cấp huyện, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 với phạm vi là các vấn đề về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó có đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương IX quy định về chính quyền địa phương, dự kiến bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chính quyền địa phương chỉ tổ chức thành 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã). Theo đó, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP dự kiến bỏ các nội dung quy định tổ chức cơ quan chuyên môn ở cấp huyện. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung kịp thời các Nghị định liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất với Hiến pháp.

b) Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã được sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm phân định rõ thẩm quyền, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương và khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế trong quá trình thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019). Tuy nhiên, do quy định về ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành đang được thiết kế theo mô hình 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã). Do vậy, căn cứ các định hướng nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2025/NĐ-CP, trong đó bỏ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn ở cấp huyện và biên tập các nội dung quy định tổ chức cơ quan chuyên môn ở cấp xã, bảo đảm phù hợp với định hướng của Ban Chỉ đạo sáp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp.

Từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương là cần thiết và phù hợp.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục tiêu

Hoàn thiện khung pháp lý để sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo chủ trương, định hướng trong Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhằm chuyển đổi mô hình tổ chức CQĐP từ 03 cấp như hiện nay (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) thành mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp xã.

2. Quan điểm

2.1. Thể chế hóa các chủ trương của Đảng và cụ thể hóa các quy định của Quốc hội về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tạo cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức và hoạt động của tổ chức CQĐP theo mô hình 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã).

2.2. Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực và phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền cho địa phương quyết định sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn, bảo đảm không vượt quá khung số lượng theo quy định của Chính phủ; quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong và bố trí số lượng cấp phó theo tiêu chí của Chính phủ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Để bảo đảm tính kịp thời của việc ban hành Nghị định phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức CQĐP theo mô hình 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 2123/BNV-PC ngày 07/5/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Nghị định theo trình tự thủ tục rút gọn và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 4117/VPCP-TCCV ngày 13/5/2025 của Văn phòng Chính phủ.

2. Bộ Nội vụ có Văn bản số ngày/2025 gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (đối tượng chịu sự tác động của Văn bản); tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số ngày/2025, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục Nghị định

Dự thảo Nghị định có **05 Chương** với **25 Điều**, cụ thể như sau:

1.1. Chương I: Quy định chung, gồm 02 Điều (từ Điều 1 đến Điều 2).

1.2. Chương II: Quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm 08 điều (từ Điều 03 đến Điều 10).

1.3. Chương III: Quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm 06 điều (từ Điều 11 đến Điều 16).

1.4. Chương IV: Quy định trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, gồm 06 Điều (từ Điều 17 đến Điều 22).

1.5. Chương V: Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (Điều 23 và Điều 25).

2. Những nội dung cơ bản của Nghị định

2.1. Quy định chung

- Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa các nội dung quy định từ Điều 1 đến Điều 10 và từ Điều 17 đến Điều 22 và Điều 25, tại các Điều này cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát thay đổi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” đang được quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP thành “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

- Bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 (Thanh tra), khoản 3 Điều 6 (số lượng Phó Chánh thanh tra sở), khoản 8 Điều 15 (Thanh tra huyện) để bảo đảm phù hợp với Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 và Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức lại hệ thống thanh tra; theo đó biên tập, điều chỉnh lại các khoản, điểm tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

- Rà soát, biên tập lại Chương III (từ Điều 11 đến Điều 16) cho phù hợp với chủ trương của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã).

2.2. Những nội dung cần sửa đổi, hoàn thiện

Thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) thì quy mô tổ chức, phạm vi quản lý theo địa bàn (diện tích tự nhiên, dân số, phạm vi quản lý...) của các địa phương đã lớn hơn rất nhiều so với trước đây. Do vậy, để các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong điều kiện quy mô và phạm vi quản lý được mở rộng thì cần thiết phải sửa đổi quy định số lượng cấp phó của sở, của phòng chuyên môn thuộc sở và tiêu chí biên chế tối thiểu khi thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Theo đó, tại dự thảo Nghị định, Vụ đề xuất sửa đổi các nội dung sau:

2.2.1. Đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

a) Về số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở và tiêu chí biên chế tối thiểu khi thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ

Dự thảo Nghị định đề xuất quy định về tiêu chí xác định số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tiêu chí biên chế tối thiểu khi thành lập phòng chuyên môn thuộc sở như quy định đối với phòng thuộc sở tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (đã quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP) để thống nhất thực hiện đối với tất cả các địa phương. Cụ thể:

- Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

+ Phòng thuộc sở có dưới **10** biên chế công chức được bố trí **01** Phó Trưởng phòng;

+ Phòng thuộc sở có từ **10** đến **14** biên chế công chức được bố trí không quá **02** Phó Trưởng phòng.

+ Phòng thuộc sở có từ **15** biên chế công chức trở lên được bố trí không quá **03** Phó Trưởng phòng (giữ nguyên như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP).

- Về tiêu chí biên chế tối thiểu khi thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu **07** biên chế công chức.

b) Đối với số lượng cấp phó của Sở

Dự thảo Nghị định đề xuất quy định bình quân mỗi sở bố trí **04** Phó Giám đốc, **tăng 01 Phó Giám đốc** so với quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. Riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc sở theo quy định tính bình quân chung thì *thành phố Hà Nội được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc và Thành phố Hồ Chí Minh được tăng thêm không quá 15 Phó Giám đốc*¹.

¹ Ngày 23/5/2025, Đảng ủy Bộ Nội vụ có Công văn số 144/CV-ĐU báo cáo Phó Bí thư Thường trực, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình về việc điều chỉnh khung số lượng cấp phó của người

2.2.2. Đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Để phù hợp với định hướng tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp tại Văn bản số 03/CV-BCĐ, dự thảo Nghị định quy định một số nội dung như sau:

a) Mỗi phòng được bố trí 01 công chức lãnh đạo, quản lý chuyên trách. Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiêm Trưởng phòng thì phòng được bố trí 01 Phó Trưởng phòng.

b) Đối với các phòng chuyên môn được tổ chức ở cấp xã

Căn cứ định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, dự thảo Nghị định quy định việc sắp xếp, kiện toàn các phòng chuyên môn được tổ chức ở cấp xã, gồm: (1) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; (2) Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc); (3) Phòng Văn hóa – Xã hội.

Căn cứ tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo, Ủy ban nhân dân cấp xã được tổ chức các cơ quan chuyên môn hoặc bố trí các chức danh công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã về ngành, lĩnh vực ở địa bàn cấp xã theo quy định.

Số lượng biên chế công chức để bố trí cho phòng chuyên môn hoặc công chức xã theo vị trí việc làm ở cấp xã được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao phù hợp với đặc điểm, điều kiện tại địa phương.

c) Về khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Dự thảo Nghị định quy định có 03 phòng chuyên môn và tương đương; đồng thời có quy định tiêu chí để chính quyền địa phương quyết định thành lập hoặc không thành lập thêm 01 phòng chuyên môn. Theo đó, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể chức năng của từng phòng chuyên môn và tương đương.

Tiêu chí để được thành lập thêm 01 phòng chuyên môn là: các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số trên 60.000 người². Việc lấy quy mô dân số làm tiêu

đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính theo chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

² Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương, đơn vị hành chính ở xã đang có bình quân 27.000 người, ở phường là 60.000 người. Việc lựa chọn tiêu chí là 60.000 người tương ứng gấp 02 lần bình quân ở xã và tương đương bình quân ở phường là phù hợp. Vì ở phường, ngoài giải quyết các thủ tục liên quan đến người dân thì phường là địa bàn tập trung phát triển kinh tế nên cần tăng cường bộ máy tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân phường. Như vậy, áp dụng tiêu chí này thì có 390/3.321 đơn vị hành chính cấp xã có trên 60.000 người (tương ứng 11,7%), gồm: 134/2.621 xã (tương ứng 5,1%); 254/687 phường (tương ứng 37%) và 02/13 đặc khu (tương ứng 15,4%).

chỉ để thành lập thêm 01 phòng chuyên môn xuất phát từ nhiệm vụ của cấp xã tập trung vào giải quyết các thủ tục và phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân.

Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ (Nghị định thay thế Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

2.3. Về thời điểm có hiệu lực của Nghị định: Nghị định có hiệu lực vào thời điểm được ký ban hành (theo trình tự, thủ tục rút gọn), tạo điều kiện cho các địa phương có đủ căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo thẩm quyền.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là Tờ trình của Bộ Nội vụ đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu *(kèm theo dự thảo Nghị định)*.

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/hợp);
- Bộ Tư pháp (để p/hợp);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TT Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, TCBC (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Chiến Thắng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã)

2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là sở); cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng).

3. Các cơ quan sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này:

a) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế và Ban Quản lý có tên gọi khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và sự thống nhất, thông suốt, quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến **cấp xã**.

2. *Bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động.*

3. *Phân định rõ thẩm quyền giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã; không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ thì cấp tỉnh, cấp xã có tổ chức tương ứng.*

4. Phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

5. Không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức thuộc cơ quan cấp trên đặt tại địa bàn.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 3. Vị trí và chức năng của sở

Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của sở

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của sở;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc sở (nếu có);

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi chuyên ngành, lĩnh vực.

6. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã**.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, *đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

10. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

11. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng và phòng chuyên môn nghiệp vụ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu **viên chức** theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm

việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

15. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

16. Riêng đối với Thanh tra tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của sở và tiêu chí thành lập các tổ chức của sở

1. Cơ cấu tổ chức của sở, gồm:

- a) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ;
- b) Văn phòng (nếu có);
- c) Chi cục và tổ chức tương đương (nếu có);
- d) Đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).

2. Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở;

b) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 07 biên chế công chức.

3. Tiêu chí thành lập Văn phòng thuộc sở được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp không thành lập Văn phòng thuộc sở thì giao một phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

4. Tiêu chí thành lập chi cục và các tổ chức tương đương thuộc sở (sau đây gọi chung là chi cục)

a) Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Được phân cấp, ủy quyền để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;

c) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 12 biên chế công chức.

5. Tiêu chí thành lập phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở (sau đây gọi chung là phòng thuộc chi cục)

a) Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của chi cục hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của chi cục;

b) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức.

Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở và số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc sở

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở

a) Người đứng đầu sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Giám đốc sở), là người đứng đầu sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cấp phó của người đứng đầu sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Số lượng Phó Giám đốc sở

*Bình quân mỗi sở có **04** Phó Giám đốc. Riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc sở theo quy định tính bình quân chung thì thành phố Hà Nội được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc và Thành phố Hồ Chí Minh được tăng thêm không quá 15 Phó Giám đốc. Căn cứ số lượng sở được thành lập và tổng số lượng Phó Giám đốc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp.*

2. Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Phòng thuộc sở có dưới **10** biên chế công chức được bố trí **01** Phó Trưởng phòng;

b) Phòng thuộc sở có từ **10** đến **14** biên chế công chức được bố trí không quá **02 Phó Trưởng phòng**;

c) Phòng thuộc sở có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

3. Số lượng Phó Chánh Văn phòng sở được thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Số lượng Phó Chi cục trưởng thuộc sở

a) Chi cục có từ 01 đến 03 phòng và tương đương được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

5. Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Chế độ làm việc của sở và trách nhiệm của Giám đốc sở

1. Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc sở ban hành Quy chế làm việc của sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

3. Giám đốc sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc sở phải chủ động làm việc với Giám đốc sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Giám đốc sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của sở.

5. Giám đốc sở bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp Trưởng và cấp Phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ của địa phương.

Điều 8. Các sở được tổ chức thống nhất ở các địa phương

1. Sở Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới.

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo trong trường hợp không thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo.

2. Sở Tư pháp

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; theo dõi việc thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; thừa phát lại; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; pháp chế; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Chiến lược kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; đầu tư (đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương); tài chính; ngân sách nhà nước; vay và trả nợ của chính quyền địa phương (trong nước và nước ngoài); viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam và viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản công; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; kế toán, kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật; đấu thầu; doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác.

4. Sở Công Thương

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; thương mại biên giới (đối với các tỉnh có biên giới); dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; cụm công nghiệp trên địa bàn.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo (đối với đơn vị hành chính có biển, đảo) theo quy định của pháp luật.

6. Sở Xây dựng

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn (bao gồm: Cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý không gian xây dựng ngầm; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có Sở Quy hoạch - Kiến trúc thì chức năng tham mưu về quy hoạch xây dựng và kiến trúc do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin truyền thông.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tấn; thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại; quảng cáo; việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đối với các địa phương có Sở Du lịch thì chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về du lịch do Sở Du lịch thực hiện và đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hóa và Thể thao.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có).

10. Sở Y tế

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; trẻ em; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

11. Thanh tra tỉnh

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

12. Văn phòng Ủy ban nhân dân

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đầu mối Cổng Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại vụ trong trường hợp không thành lập Sở Ngoại vụ.

Điều 9. Các sở đặc thù được tổ chức ở một số địa phương

1. Sở Ngoại vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia (đối với những tỉnh có đường biên giới).

Sở Ngoại vụ được thành lập khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Có cửa khẩu quốc tế đường bộ;
- b) Có cửa khẩu quốc tế đường hàng không;
- c) Có cảng biển quốc tế;

d) Có từ 500 dự án đầu tư nước ngoài trở lên (hoặc có tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt trên 100.000 tỷ Việt Nam đồng) đang hoạt động tại địa phương, có trên 4.000 người nước ngoài hiện đang sinh sống và làm việc tại địa phương, có kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đạt từ 100.000 tỷ Việt Nam đồng trở lên, đã ký kết thỏa thuận về hợp tác quốc tế với 5 địa phương trở lên.

Đối với các địa phương không tổ chức riêng Sở Ngoại vụ thì sáp nhập, chuyển chức năng, nhiệm vụ về Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân tộc và **tín** ngưỡng, tôn giáo.

Sở Dân tộc và Tôn giáo được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- a) Có ít nhất 20.000 người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản;
- b) Có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển;
- c) Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư hoặc biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

Đối với các địa phương không tổ chức riêng Sở Dân tộc và Tôn giáo thì chuyển chức năng, nhiệm vụ về Sở Nội vụ.

3. Sở Du lịch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch.

Sở Du lịch được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- a) Có di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) ghi danh là Di sản thế giới hoặc có tài nguyên và tiềm năng du lịch nổi trội (có khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia hoặc đô thị du lịch, điểm tham quan, nghỉ dưỡng có quy mô lớn, nổi bật);
- b) Ngành du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và có giá trị kinh tế từ du lịch đóng góp vào tổng sản phẩm nội địa (GDP) hàng năm của địa phương với tỷ trọng từ 10% trở lên trong 5 năm liên tục.

Đối với các địa phương không tổ chức riêng Sở Du lịch thì sáp nhập, chuyển chức năng, nhiệm vụ về Sở Văn hóa và Thể thao và đổi tên thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc được thành lập ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, kiến trúc.

Trường hợp thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không tổ chức riêng Sở Quy hoạch - Kiến trúc thì sáp nhập, chuyển chức năng, nhiệm vụ về Sở Xây dựng.

Điều 10. Khung số lượng sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này, các tỉnh, thành phố được tổ chức không quá 14 sở, riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có không quá 15 sở.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 11. Vị trí và chức năng của phòng

1. Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã**; thực hiện chức năng tham mưu, giúp **Ủy ban nhân dân cấp xã** quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Phòng thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã** chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của **Ủy ban nhân dân cấp xã**, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Dự thảo nghị quyết của **Hội đồng nhân dân cấp xã** (nếu có), dự thảo quyết định của **Ủy ban nhân dân cấp xã** liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của phòng và các văn bản khác theo phân công của **Ủy ban nhân dân cấp xã**;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn **cấp xã** trong phạm vi quản lý của phòng;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của phòng.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp **Ủy ban nhân dân cấp xã** thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của **Ủy ban nhân dân cấp xã**.

4. Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, *đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn **cấp xã**.

6. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã và sở quản lý ngành, lĩnh vực.

7. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

10. *Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

11. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp xã giao theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phòng

1. *Mỗi phòng được bố trí 01 công chức lãnh đạo, quản lý chuyên trách. Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiêm Trưởng phòng thì phòng được bố trí 01 Phó Trưởng phòng.*

a) Người đứng đầu phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Trưởng phòng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng;

b) Cấp phó của người đứng đầu phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng) là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của phòng.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch **Ủy ban nhân dân cấp xã** quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Trưởng phòng

1. Phòng chuyên môn thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã** làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của **Ủy ban nhân dân cấp xã**; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của **Ủy ban nhân dân cấp xã**, Trưởng phòng ban hành Quy chế làm việc của phòng và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước **Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các công việc được **Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên **Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Trưởng phòng phải chủ động làm việc với Trưởng phòng có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân cấp xã** xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo với **Ủy ban nhân dân cấp xã** về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 15. Các phòng chuyên môn được tổ chức ở cấp xã

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; tham mưu hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở xã, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác ngoại vụ, biên giới (đối với đơn vị hành chính cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo).

2. Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)

a) Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính; kế hoạch và đầu tư; ***hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.***

b) Lĩnh vực Xây dựng và Công Thương

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị; cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

c) Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với đơn vị hành chính có biển, đảo); nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Lĩnh vực Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới

đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; **công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo.**

b) Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở).

c) Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); **đổi mới sáng tạo**; phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

d) Lĩnh vực Y tế

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

Căn cứ các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo, Ủy ban nhân dân cấp xã được tổ chức các cơ quan chuyên môn hoặc bố trí các chức danh công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã về ngành, lĩnh vực ở địa bàn cấp xã theo quy định.

Trường hợp không thành lập phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thì số lượng chức danh công chức cấp xã được bố trí tối đa 40 biên chế công chức theo vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị hành chính cấp xã.

Số lượng biên chế công chức để bố trí cho phòng chuyên môn hoặc công chức xã theo vị trí việc làm ở cấp xã được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao phù hợp với đặc điểm, điều kiện tại địa phương.

Điều 16. Khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định này và yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, địa phương quyết định việc thành lập các phòng cho phù hợp. Riêng đối với các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số trên 60.000 người thì được bố trí thêm không quá 01 phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ

Điều 17. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quy định khung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục, cấp phòng thuộc sở, cấp phòng thuộc chi cục thuộc sở và cấp phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã**.
3. Tổng hợp, theo dõi việc sắp xếp, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã**.
4. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 18. Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang bộ

1. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với sở theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.
2. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã**.
3. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
4. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 19. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng sở phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng Phó Giám đốc của từng sở phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các tiêu chí quy định tại Nghị định này.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ.

4. Phân cấp, ủy quyền thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ quy định khung của Chính phủ và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng (tổ chức tương đương) thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã**, bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương và không được thấp hơn quy định khung của Chính phủ; trường hợp cấp xã không tổ chức phòng chuyên môn do đặc thù xã thì bố trí chức danh công chức chuyên môn cấp xã theo vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quy định.

6. Hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã**.

7. Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân **cấp xã** theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 20. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Lãnh đạo, chỉ đạo sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc sở và Phó Giám đốc sở theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc sở.

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các văn bản khác có liên quan.
2. Quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn theo quy định tại Nghị định này.
3. Ủy quyền thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của **Ủy ban nhân dân cấp xã** theo quy định của pháp luật.
4. Hàng năm, báo cáo với **Hội đồng nhân dân cấp xã** (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của phòng chuyên môn.

Điều 22. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lãnh đạo, chỉ đạo phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn và tương đương theo quy định của Đảng và của pháp luật.
3. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nội dung điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan liên quan đến thủ tục hành chính thì thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - b) Các trường hợp đã được thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, cấp giấy chứng nhận, giấy phép, chứng chỉ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục sử dụng theo các văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trường hợp có thời hạn thì thực hiện đến khi hết hạn. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi thì thực hiện theo nhiệm vụ phân công theo quy định tại Nghị định này và quy định có liên quan.
2. Khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của pháp luật

thì chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải theo đúng quy định.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025, *thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.*

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT;
- Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính